

THIS TRADE SERVICES AGREEMENT (the “Trade Services Agreement”) No. [●] is made on [●] at [●] by and between:
HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI NÀY (“Hợp Đồng Dịch Vụ Thương Mại”) số [●] được lập vào ngày [●] tháng [●] năm [●] tại [●]
bởi và giữa

(1) **JPMORGAN CHASE BANK, N.A., ACTING THROUGH ITS HO CHI MINH BRANCH**
JPMORGAN CHASE BANK, N.A., HÀNH ĐỘNG THÔNG QUA CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Registered Address: [●]

Địa chỉ đăng ký: [●]

Enterprise Code: 107055 dated 28 October 1999 (amended for <The latest amendment of EC> issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City

Mã số doanh nghiệp: 107055 ngày 28 tháng 10 năm 1999 (được sửa đổi lần thứ <lần sửa đổi MSDN gần nhất> được cấp bởi Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh

(the “Bank”); and

(“Ngân Hàng”); và

(2) [-name of the Customer-]

[-tên của Khách Hàng-]

Registered Address: _____

Địa chỉ đăng ký: _____

Enterprise Code (for corporate customer): [*] issued by [name of issuing authority of EC]

Mã Số Doanh Nghiệp (đối với khách hàng doanh nghiệp): [*] được cấp bởi [tên của cơ quan cấp MSDN]

and

và

(3) [-name of the Customer-]

[-tên của Khách Hàng-]

Registered Address: _____

Địa chỉ đăng ký: _____

Enterprise Code (for corporate customer): [*] issued by [name of issuing authority of EC]

Mã Số Doanh Nghiệp (đối với khách hàng doanh nghiệp): [*] được cấp bởi [tên của cơ quan cấp MSDN]

and

và

(4) [-name of the Customer-]

[-tên của Khách Hàng-]

Registered Address: _____

Địa chỉ đăng ký: _____

Enterprise Code (for corporate customer): [*] issued by [name of issuing authority of EC]

Mã Số Doanh Nghiệp (đối với khách hàng doanh nghiệp): [*] được cấp bởi [tên của cơ quan cấp MSDN]

([the “Customer”]/[each referred to individually and separately herein the “Customer”])

([“Khách Hàng”]/ [mỗi bên được dẫn chiếu đến riêng rẽ và tách biệt trong Hợp Đồng Dịch Vụ Thương Mại này là “Khách Hàng”])

WHEREAS:

XÉT RẰNG

(A) The Customer has requested the Services (as defined below),
Khách Hàng đã xin cấp các Dịch Vụ (được định nghĩa bên dưới),

(B) The Bank agrees to provide the Services on the terms and conditions set forth herein,

77290412.5

Vietnam Cover Letter (Export LC Financing) March 2023

NOW, THEREFORE, the parties hereto agree as follows:

DO ĐÓ, NAY, các bên trong Hợp Đồng Dịch Vụ Thương Mại này thỏa thuận như sau:

1. GENERAL TERMS
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1.1 The services made available to the Customer(s) pursuant to this Trade Services Agreement (the "**Services**") shall be subject to the terms and conditions set out in this Trade Services Agreement and the General Terms Agreement attached to this Trade Services Agreement (the "**GTA**").

*Các dịch vụ được cung cấp cho (các) Khách Hàng theo Hợp Đồng Dịch Vụ Thương Mại này ("**các Dịch Vụ**") phụ thuộc vào các điều khoản và điều kiện trong Hợp Đồng Dịch Vụ Thương Mại này và Thỏa Thuận Về Các Điều Khoản Chung đính kèm theo Hợp Đồng Dịch Vụ Thương Mại này ("**TTVCĐKC**").*

1.2 The terms and conditions set out in the GTA are incorporated into this Trade Services Agreement by reference in their entirety. Terms defined in the GTA have the same meaning when used in this Trade Services Agreement unless given a different meaning in this Trade Services Agreement. In the event of any conflict or inconsistency between the provisions of this Trade Services Agreement and the GTA, this Trade Services Agreement will prevail.

Toàn bộ các điều khoản và điều kiện quy định trong TTVCĐKC được đưa vào Hợp Đồng Dịch Vụ Thương Mại này bằng dẫn chiếu. Các thuật ngữ được định nghĩa trong TTVCĐKC có ý nghĩa giống như vậy khi được sử dụng trong Hợp Đồng Dịch Vụ Thương Mại này trừ khi được đưa ra ý nghĩa khác trong Hợp Đồng Dịch Vụ Thương Mại này. Trong trường hợp có bất kỳ mâu thuẫn hoặc sự khác nhau nào giữa các điều khoản của Hợp Đồng Dịch Vụ Thương Mại này và TTVCĐKC, thì Hợp Đồng Dịch Vụ Thương Mại này sẽ được ưu tiên áp dụng.

1.3 The Services made available pursuant to this Trade Services Agreement shall be subject to the following:

Các Dịch Vụ được cung cấp căn cứ theo Hợp Đồng Dịch Vụ Thương Mại này sẽ phụ thuộc vào các quy định sau đây:

a. **The Customer[s] :** [Insert full legal name of the/each Customer]

(Các) Khách Hàng¹: [Điền tên pháp lý đầy đủ của (từng) Bên Vay]

[(the "**Customer**"/[each referred to individually and separately herein as the "**Customer**"])]

*(["**Khách Hàng**"/ [mỗi bên được dẫn chiếu đến riêng rẽ và tách biệt trong Hợp Đồng Dịch Vụ Thương Mại này là "**Khách Hàng**"])*

b. **Facility / Khoản Tín Dụng:** The Bank may, in its sole and absolute discretion, provide to the Customer the Export Letter of Credit Financing (with recourse) Facility on an uncommitted basis. For each drawing under this Facility under which there is a bill of exchange or promissory note accompanying the documentation, the Bank shall agree with the Customer in writing such details set out in Annexure A, as applicable.

Ngân Hàng có thể, theo toàn quyền tùy nghi quyết định của mình, cung cấp cho Khách Hàng Khoản Tín Dụng Cấp Vốn Thư Tín Dụng Xuất Khẩu (có truy đòi) trên cơ sở không cam kết. Cho mỗi khoản rút vốn theo Khoản Tín Dụng này mà có hối phiếu đòi nợ hoặc hối phiếu nhận nợ đi kèm các tài liệu, Ngân Hàng sẽ thỏa thuận với Khách Hàng bằng văn bản các thông tin chi tiết quy định tại Phụ Lục A, tùy từng trường hợp.

c. **Nature of Services / Tính chất của các Dịch Vụ:** Export Transactions / Các Giao Dịch Xuất Khẩu

d. **Additional Representations:** Without prejudice to the representations and warranties set out in the GTA, the Customer makes the following additional representations and warranties to the Bank, which shall be deemed repeated by the Customer as set out in the Clause 8 (*Representations and warranties*) of the GTA:

Các Cam Đoan Bổ Sung:

Không làm ảnh hưởng đến các cam đoan và bảo đảm nêu trong TTVCĐKC, Khách Hàng đưa ra các cam đoan và bảo đảm bổ sung sau đây đối với Ngân Hàng, mà được xem là được Khách Hàng lặp lại như nêu tại Điều [8] (Các Cam Đoan và Bảo Đảm) của TTVCĐKC:

(i) [It is not required under the law applicable where it is incorporated or resident or at the address specified in a Facility Document to make any Tax Deduction from any payment it may make under that Facility Document.]

[Luật áp dụng tại nơi Khách Hàng thành lập hoặc cư trú hoặc tại địa chỉ được ghi tại Tài Liệu Tín Dụng không yêu cầu Khách Hàng phải thực hiện bất kỳ Khoản Khấu Trừ Thuế nào từ bất kỳ khoản thanh toán nào mà Khách Hàng có thể thực hiện theo Tài Liệu Tín Dụng đó.]

(ii) [Under the law of its jurisdiction of incorporation it is not necessary that a Facility Document be filed, recorded or enrolled with any court or other authority in that jurisdiction or that any stamp, registration or similar tax be paid on or in relation to that Facility Document or the transactions contemplated by that Facility Document.]

[Theo luật của lãnh thổ tài phán nơi Khách Hàng thành lập, một Tài Liệu Tín Dụng không cần phải được nộp, lưu hoặc đăng ký với bất kỳ tòa án hoặc cơ quan hữu quan khác tại lãnh thổ tài phán đó hoặc bất kỳ lệ phí trước bạ, đăng ký hoặc thuế tương tự nào phải được trả cho hoặc liên quan đến Tài Liệu Tín Dụng đó hoặc các giao dịch được dự kiến bởi Tài Liệu Tín Dụng đó.]

- e. **Business Day Definition:** ["**Business Day**" means any day (other than a Saturday or a Sunday) on which banks are open for business in Vietnam and (in relation to the calculation or computation of the Term SOFR Rate), any U.S. Government Securities Business Day.]
- Định nghĩa Ngày Làm Việc:** ["**Ngày Làm Việc**" nghĩa là bất kỳ ngày nào (trừ thứ Bảy hoặc Chủ Nhật) mà vào ngày đó ngân hàng mở cửa hoạt động tại Việt Nam và (liên quan đến việc tính hoặc tính toán Lãi Suất SOFR Kỳ Hạn), bất kỳ Ngày Làm Việc Chứng Khoán Chính Phủ Hoa Kỳ nào.]
- f. **Relevant Jurisdiction:** Vietnam
- Lãnh Thổ Tài Phán Liên Quan:** Việt Nam
- g. **Local Currency:** Vietnamese dong, the lawful currency of Vietnam ("VND").
- Đồng Tiền Trong Nước:** Đồng Việt Nam, đồng tiền hợp pháp của Việt Nam ("VND").
- h. **Local Benchmark Rate:** "VNIBOR" means, in relation to any Loan in VND:
- Lãi Suất Tham Chiếu Trong Nước:** "VNIBOR" có nghĩa là, liên quan đến bất kỳ Khoản Vay nào bằng VND:
- (a) the Screen Rate as of the Specified Time on the Quotation Day and for a period equal in length to the Interest Period of that Loan; or if no Screen Rate is available for the Interest Period of that Loan, the Interpolated Screen Rate for that Loan; or
- Lãi Suất Hiện Thị được áp dụng vào Thời Gian Đã Định vào Ngày Báo Giá và cho thời hạn dài bằng Kỳ Tính Lãi của Khoản Vay đó hoặc nếu không có Lãi Suất hiện Thị nào cho Kỳ Tính Lãi của Khoản Vay đó, Lãi Suất Hiện Thị Tuyển Tính cho Khoản Vay đó;*
- (b) If:
- Nếu:*
- (i) no Screen Rate is available for the currency of that Loan; and
- không có Lãi Suất Tham Chiếu cho đồng tiền của Khoản Vay đó; và*
- (ii) it is not possible to calculate an Interpolated Screen Rate for that Loan,
- không thể tính Lãi Suất Hiện Thị Tuyển Tính cho Khoản Vay đó,*
- then the Alternative Rate (VND) shall apply to the relevant Loan, unless and until the Bank and the Customer shall mutually agree upon a substitute rate. If any such Screen Rate or Interpolated Screen Rate is below zero, VNIBOR will be deemed to be zero.
- thì Lãi Suất Lựa Chọn (VND) sẽ áp dụng đối với Khoản Vay liên quan, trừ khi và cho đến khi Ngân Hàng và Khách Hàng cùng nhau thỏa thuận lãi suất thay thế. Nếu bất kỳ Lãi Suất Hiện Thị hoặc Lãi Suất Hiện Thị Tuyển Tính được áp dụng nào nêu trên nhỏ hơn 0, thì VNIBOR sẽ được xem là bằng 0;*
- i. **Replacement Benchmark:** [*]
- Tham Chiếu Thay Thế:** [*]
- j. **Local Screen Rate:** "Local Screen Rate" means in relation to VNIBOR, the Vietnam interbank offered rate for the relevant currency and period displayed on page VNIBOR type Reuters code: VNIBOR of the Thomson Reuters screen (or any replacement page which displays that rate).
- Lãi Suất Hiện Thị Trong Nước:** ["**Lãi Suất Hiện Thị Trong Nước**" có nghĩa là liên quan đến VNIBOR, lãi suất áp dụng liên ngân hàng cho đồng tiền và kỳ hạn liên quan được hiển thị trên trang VNIBOR cos loại mã Reuters: VNIBOR của Thomson Reuters (hoặc bất kỳ trang thay thế nào hiển thị lãi suất đó).]

k. Specified Time in relation to the Local Benchmark Rate: In relation to VNIBOR, as of 11:00 a.m. (Vietnam time).
Liên quan đến VNIBOR, kể từ 11:00 giờ sáng (giờ Việt Nam).

Thời Gian Đã Định liên quan tới Lãi Suất Tham Chiếu Trong Nước:

l. Process Agent:
Đại Diện Nhận Tổng Đạt

This Trade Services Agreement is made in English and in Vietnamese of the same validity. In the case of a conflict or inconsistency between the English and the Vietnamese, the English version shall prevail.

Hợp Đồng Dịch Vụ Thương Mại này được lập bằng tiếng Anh và tiếng Việt với giá trị pháp lý ngang nhau. Trong trường hợp có mâu thuẫn hoặc không thống nhất giữa bản tiếng Anh và tiếng Việt, bản tiếng Anh sẽ được ưu tiên áp dụng.

This Trade Services Agreement is effective from the later of (i) the date the Bank executes this Trade Services Agreement and (ii) the date on which the Bank receives a duplicate of this Trade Services Agreement duly executed by the/each Customer and such other relevant documents from the/each Customer including but not limited to condition precedent documents required by the Bank ("**Effective Date**") until the date all payable amounts and obligations under this Trade Services Agreement are fully repaid and satisfied, provided that the Effective Date must occur within ninety (90) calendar days from the date of this Trade Services Agreement. For the avoidance of doubt, if the Effective Date does not occur within ninety (90) calendar days from the date of this Trade Services Agreement, this Trade Services Agreement shall be automatically terminated. By signing below, the/each Customer acknowledges and agrees that, notwithstanding any provision to the contrary herein and the/each Customer's execution of this Trade Services Agreement, the Bank will have sole and absolute discretion to decide whether or not it will execute this Trade Services Agreement.

Hợp Đồng Dịch Vụ Thương Mại này có hiệu lực từ (i) ngày Ngân Hàng ký kết Hợp Đồng Dịch Vụ Thương Mại này hoặc (ii) ngày mà Ngân Hàng nhận được bản Hợp Đồng Dịch Vụ Thương Mại này được ký kết hợp lệ bởi (từng) Khách Hàng và các tài liệu có liên quan khác từ (từng) Khách Hàng, bao gồm nhưng không giới hạn ở các tài liệu là điều kiện tiên quyết được Ngân Hàng yêu cầu, tùy xem ngày nào đến sau ("Ngày Hiệu Lực"), cho đến ngày tất cả các khoản tiền phải trả và các nghĩa vụ theo Hợp Đồng Dịch Vụ Thương Mại này được hoàn trả và đáp ứng đầy đủ, với điều kiện là Ngày Hiệu Lực phải xảy ra trong vòng chín mươi (90) ngày dương lịch kể từ ngày của Hợp Đồng Dịch Vụ Thương Mại này. Để tránh hiểu nhầm, nếu Ngày Hiệu Lực không xảy ra trong vòng chín mươi (90) ngày dương lịch kể từ ngày của Hợp Đồng Dịch Vụ Thương Mại này, Hợp Đồng Dịch Vụ Thương Mại này sẽ tự động chấm dứt. Bằng việc ký kết dưới đây, (từng) Khách Hàng thừa nhận và đồng ý rằng, bất kể bất kỳ quy định nào khác đi trong Hợp Đồng Dịch Vụ Thương Mại này và việc (từng) Khách Hàng ký kết Hợp Đồng Dịch Vụ Thương Mại này, Ngân Hàng sẽ có toàn quyền duy nhất và tuyệt đối để quyết định rằng Ngân Hàng có ký kết Hợp Đồng Dịch Vụ Thương Mại này hay không.

FOR ADMINISTRATIVE USE / CHO MỤC ĐÍCH HÀNH CHÍNH

The GTA attached to this Trade Services Agreement is enclosed with the following schedules (please tick the applicable box ""):

TTVCĐKC đính kèm Hợp Đồng Dịch Vụ Thương Mại này được đi kèm với những phụ lục sau (tích vào ô "" liên quan):

- Reference Rate Schedule / *Phụ Lục Lãi Suất Tham Chiếu*
- Joint and Several Obligations Schedule / *Phụ Lục Các Nghĩa Vụ Liên Đới và Riêng Rẽ*
- Export Letter of Credit Financing (With Recourse) Facility Schedule / *Phụ Lục Khoản Tín Dụng Cấp Vốn Thư Tín Dụng Xuất Khẩu (Có Truy Đòi)*

For and on behalf of
JPMorgan Chase Bank, N.A., acting through its Ho Chi Minh Branch
Đại diện và thay mặt
JPMorgan Chase Bank, N.A., hành động thông qua Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

By: _____
Name/Họ tên:
Title/Chức danh:
Address/Địa chỉ:
Fax/Số fax:
Email:
Attention/Người nhận:

For and on behalf of
[INSERT CUSTOMER NAME]
[Đại diện và thay mặt
[ĐIỀN TÊN BÊN VAY]⁵

By: _____
Name/Họ tên:
Title/Chức danh:
Address/Địa chỉ:
Fax/Số fax:
Email:
Attention/Người nhận:
Date/Ngày:

[For and on behalf of
[INSERT CUSTOMER NAME]
[Đại diện và thay mặt
[ĐIỀN TÊN BÊN VAY]

By: _____
Name/Họ tên:
Title/Chức danh:
Address/Địa chỉ:
Fax/Số fax:
Email:
Attention/Người nhận:
Date/Ngày:.]

ANNEXURE A

PHỤ LỤC A

Details of each drawing under the Export Letter of Credit Financing (with recourse) Facility
Thông tin của mỗi đợt rút vốn theo Khoản Tín Dụng Cấp Vốn Thư Tín Dụng Xuất Khẩu (có truy đòi)

Key information of the draft / Thông tin chính của hối phiếu:	[To be notified to the Bank by the Borrower in writing from time to time] <i>[Như được Khách Hàng thông báo cho Ngân Hàng bằng văn bản tùy từng thời điểm]</i>
Discount price / Giá chiết khấu:	[To be agreed in writing between the Bank and the Borrower from time to time.] <i>[Như được Ngân Hàng và Khách Hàng thỏa thuận bằng văn bản tùy từng thời điểm]</i>
Purpose of use of the discounting amount / Mục đích sử dụng số tiền chiết khấu:	Import, export and other trade financing purposes <i>Nhập khẩu, xuất khẩu và các mục đích cấp vốn thương mại khác</i>
Currency: / Đồng tiền:	VND or other foreign currency, which is the currency of the relevant letter of credit to be agreed in writing between the Bank and the Borrower from time to time. <i>VND hoặc ngoại tệ khác, mà ngoại tệ này là đồng tiền của thư tín dụng có liên quan như được thỏa thuận bằng văn bản giữa Ngân Hàng và Khách Hàng tùy từng thời điểm</i>
The period for maintaining the limit of the Facilities/ Availability Period/ Tenor: <i>Thời hạn duy trì hạn mức Khoản Tín Dụng / Thời Hạn Giải Ngân / Thời Hạn :</i>	The period for maintaining the limit of the Facilities is one (01) year commencing from the Effective Date, and, subject to the Bank's discretion, is automatically annually renewed without the need to sign a new agreement, unless otherwise notified by the Bank in writing. / <i>Thời hạn duy trì hạn mức của Khoản Tín Dụng là một (01) năm kể từ Ngày Hiệu Lực, và, còn phụ thuộc vào quyền quyết định của Ngân Hàng, được tự động gia hạn hàng năm mà không cần phải ký hợp đồng mới, trừ trường hợp Ngân Hàng thông báo khác đi bằng văn bản.</i>
Interest Rate: / Lãi Suất	The discount rate for negotiation or prepayment of the relevant letter of credit to be agreed in writing between the Bank and the Borrower from time to time. <i>Lãi suất chiết khấu cho việc mua lại hoặc thanh toán trước hạn thư tín dụng có liên quan như được thỏa thuận bằng văn bản giữa Ngân Hàng và Khách Hàng tùy từng thời điểm.</i>
Bank Charges or Fees / Other relevant costs: / Phí hoặc lệ phí ngân hàng / Các chi phí có liên quan khác	[]/[Not applicable.] []/[Không áp dụng.]